

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TUỆ AN VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TUỆ AN VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: TUEAN VN

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109795033

**3. Ngày thành lập:** 28/10/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 15, ngách 14/5 ngõ 14 phố Vạn Kiếp, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0965462304

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn thực phẩm<br>chi tiết:<br>+ Bán buôn bánh kẹo, đường, sữa, mỳ chính, dầu ăn<br>+ Bán buôn rau, quả<br>+ Bán buôn thực phẩm khác<br>Trừ hoạt động đấu giá                                                                                                                                                                          | 4632(Chính) |
| 2.  | Bán buôn đồ uống<br>Trừ hoạt động đấu giá<br>Chi tiết:<br>+ Bán buôn đồ uống có cồn<br>Bán buôn rượu, bia<br>+ Bán buôn đồ uống không có cồn                                                                                                                                                                                               | 4633        |
| 3.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép<br>Trừ hoạt động đấu giá và hoạt động nhà nước cấm                                                                                                                                                                                                                                                    | 4641        |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>+ Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>+ Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>+ Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>+ Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>+ Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>Trừ hoạt động đấu giá | 4649        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 5.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:<br>+ Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Mini market)<br>+ Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác                                                                                            | 4719 |
| 6.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>+ Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh<br>+ Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh | 4722 |
| 7.  | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                   | 4723 |
| 8.  | Chế biến và bảo quản rau quả<br>Chi tiết: Sản xuất nước ép từ rau quả<br>+ Chế biến và bảo quản rau quả khác                                                                                                                                                     | 1030 |
| 9.  | Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật                                                                                                                                                                                                                                  | 1040 |
| 10. | Xay xát và sản xuất bột thô                                                                                                                                                                                                                                      | 1061 |
| 11. | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                                                                                                                                                                                                    | 1062 |
| 12. | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                                                                                                                                                                                                    | 1071 |
| 13. | Sản xuất đường                                                                                                                                                                                                                                                   | 1072 |
| 14. | Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo                                                                                                                                                                                                                              | 1073 |
| 15. | Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự                                                                                                                                                                                                                     | 1074 |
| 16. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                                                                                                                                                            | 1075 |
| 17. | Sản xuất chè                                                                                                                                                                                                                                                     | 1076 |
| 18. | Sản xuất cà phê                                                                                                                                                                                                                                                  | 1077 |
| 19. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                   | 1079 |
| 20. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                                                                                                                                                                                                                          | 1104 |
| 21. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                                                                           | 2023 |
| 22. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết : Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                            | 4933 |
| 23. | Bốc xếp hàng hóa<br>Chi tiết:<br>+ Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt<br>+ Bốc xếp hàng hóa đường bộ                                                                                                                                                                  | 5224 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
Địa chỉ thường trú: \_\_\_\_\_  
Địa chỉ liên lạc: \_\_\_\_\_

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN TÙNG LÂM Giới tính: Nam  
Chức danh: Giám đốc  
Sinh ngày: 06/03/2002 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 045299857  
Ngày cấp: 17/01/2020 Nơi cấp: Công an tỉnh Lai Châu  
Địa chỉ thường trú: Khu trung tâm thị trấn Tam Đường, Thị trấn Tam Đường, Huyện Tam Đường, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam  
Địa chỉ liên lạc: Số 15, ngách 14/5 ngõ 14 phố Vạn Kiếp, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội